

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 4 - 2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải và bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 và ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Danh Q, sinh năm 1983

Nơi đăng ký thường trú: Xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thị Hồng T), sinh năm 1983

Nơi đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang ở Đài Loan. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Danh Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 11/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển vào miền N sinh sống và làm việc từ cuối năm 2009 đến năm 2011. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải, đến tháng 8/2011 vợ chồng chuyển về sinh sống tại huyện Đ.

Năm 2011, anh Q xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến năm 2014 trở về Việt Nam sinh sống. Năm 2019, chị T tiếp tục đi lao động tại Đài Loan. Từ đó đến nay, hai bên không còn liên lạc, không còn quan hệ tình cảm, không cùng nhau xây dựng gia đình. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lương Danh N, sinh ngày 24/02/2011 và cháu Lương Danh T1, sinh ngày 03/6/2015. Hiện hai con đang sống cùng anh Q. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu. Về cấp dưỡng, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 17/02/2025 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1946, là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, xác nhận:

Chị T là con gái bà, hiện đang lao động tại Đài Loan. Vợ chồng chị T và anh Q từng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị T biết việc anh Q nộp đơn xin ly hôn và không có ý kiến phản đối. Về con chung: Vợ chồng có hai con là cháu Lương Danh N và cháu L1 Danh Từ. Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2014, khi anh Q ở Đài Loan, chị T chăm sóc hai con; thỉnh thoảng anh Q có gửi tiền hỗ trợ. Đến năm 2019, chị T xuất khẩu lao động, hai cháu được ông bà nội chăm sóc. Năm 2024, anh Q về nước và trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Bà L cho biết, mặc dù chị T hiện có nguyện vọng được nuôi con nhưng do đang lao động ở nước ngoài, nên tạm thời đồng ý để anh Q tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Khi về nước, chị T sẽ làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu thấy cần thiết. Về cấp dưỡng, anh chị tự thỏa thuận; thực tế, chị T vẫn gửi tiền hỗ trợ nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Danh Q. Cho anh Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị T; Giao hai con chung là cháu L1 Danh Nhân và Lương Danh T1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật; Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự:

[1.1]. Anh Lương Danh Q là nguyên đơn đang cư trú tại Xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Chị Nguyễn Thị T trước khi đi Đài Loan có địa chỉ thường trú tại Xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Theo công văn số 5053/PQLNXC(Đ1) ngày 11/12/2024 của Phòng Q1 Công an tỉnh T xác định công dân Tươi sinh ngày 12/08/1983, số chứng minh nhân dân: 091031200 đã xuất cảnh ngày 21/11/2019 qua cửa khẩu N1, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

[1.2]. Nguyên đơn anh Lương Danh Q chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị T ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị T ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được.

[1.3]. Chị T mặc dù không có văn bản thể hiện quan điểm của mình gửi về cho Tòa án, nhưng thông qua thân nhân của chị T, có đủ căn cứ xác định chị T vẫn liên hệ với gia đình nhưng gia đình không cung cấp được địa chỉ của chị T tại Đài Loan cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4]. Về nội dung có sự mâu thuẫn về tên đệm của đương sự:

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành xác minh tại Phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an tỉnh T và xác định:

Công dân tên T hiện không có dữ liệu làm căn cước công dân, có thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với số định danh cá nhân 019183017475. Theo dữ liệu, người này có họ tên là Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 12/8/1983; không có thông tin về cha đẻ, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1946, thường trú tại xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; chồng là ông Lương Danh Q, sinh năm 1983, trú tại xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Kết quả xác minh chứng minh nhân dân số 091031200 (cấp lần đầu ngày 13/3/2003, cấp lại ngày 12/02/2019) cho thấy đương sự mang họ tên là Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/8/1983, nơi cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; cha đẻ là ông Nguyễn Viết T2, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L.

Từ các thông tin nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: đương sự có họ và tên hợp pháp là Nguyễn Thị T, đồng thời từng sử dụng tên gọi khác là Nguyễn Thị Hồng T.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Danh Q và chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa anh Lương Danh Q và chị Nguyễn Thị T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm không thể hòa giải, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn duy trì quan hệ hôn nhân trên thực tế.

Về thời gian, năm 2011, anh Q sang Đài Loan làm việc và trở về Việt Nam vào năm 2014. Năm 2019, chị T tiếp tục sang Đài Loan lao động. Trong thời gian dài ly thân, các bên không có động thái hàn gắn, đoàn tụ.

Anh Q có đơn yêu cầu ly hôn, phía chị T không có ý kiến phản đối, tuy nhiên qua xác minh từ thân nhân chị T cũng cho thấy giữa vợ chồng có mâu thuẫn kéo dài, tình cảm không còn.

Từ các tài liệu, chứng cứ và kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Mâu thuẫn giữa anh Q và chị T đã trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly

hôn của anh Lương Danh Q là có cơ sở, phù hợp với thực tế và đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Lương Danh Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[2.2]. Về con chung: Anh Lương Danh Q và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Lương Danh N, sinh ngày 24/02/2011 và Lương Danh T1, sinh ngày 03/6/2015, hiện nay đang ở cùng anh Q. Tại phiên tòa anh Q có nguyện vọng được nuôi con chung, tại bản tự khai của cháu N và cháu T1 có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh Q khi cha mẹ ly hôn. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung, tuy nhiên do chị đang ở nước ngoài nên chị đồng ý để anh Q trực tiếp nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy, cháu L1 Danh Nhân và Lương Danh T1 hiện nay đang ở cùng anh Q; chị T hiện nay đang ở Đài Loan, do vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung L1 Danh Nhân và Lương Danh T1 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo đúng các quy định tại Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

[2.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do anh Q không yêu cầu.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q và chị T không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phát biểu đường lối giải tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng, căn cứ pháp luật:

- Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lương Danh Q đối với chị Nguyễn Thị T.

2.1. Về hôn nhân: Cho anh Lương Danh Q được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2.2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lương Danh N, sinh ngày 24/02/2011 và Lương Danh T1, sinh ngày 03/6/2015 cho anh Lương Danh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do anh Q không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lương Danh Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000242 ngày 08/01/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh Lương Danh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Ích Yên

